TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2022/HNGĐST
Ngày 13-6-2022
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Hải**

2. Bà **Trần Thị Xuân Uyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Nhân**.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST–HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 06 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị K** – sinh năm 1991

HKTT: ấp T L, xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp Th A, xã M Th A, huyện Ch Th, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Chí H** - sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp T L, xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị K trình bày:***

Chị K và anh Nguyễn Chí H quen nhau do sự mai mối của gia đình được hai tháng thì đi đến tổ chức cưới vào tháng 3/2007, được UBND xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2011, ngày 20/01/2011. Sau khi cưới thì vợ chồng sống chung gia đình bên chồng, đến năm 2009 thì vợ chồng về nhà cha mẹ ruột anh H sinh sống cho đến nay.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh H ngoài những lúc đi ghe biển thì về hay đi nhậu rồi ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh H cũng hay quậy lên rồi chửi bới chị K, ngoài ra anh H còn sử dụng chất kích thích; Sau đó vợ chồng ly thân nhưng anh H vẫn tới lui thăm nom con chung nhưng không phụ giúp chị K nuôi con, có lần anh H còn đánh chị K và cầm dao đe dọa nên chị K mới quyết định ly hôn với anh H, từ đó đến nay anh H chỉ có 2 lần đón con về nhà nội chơi, cũng không có quan tâm, lo lắng gì cho các con. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng tôi đã ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung :

1. Nguyễn Thị Yến L – sinh ngày 20/3/2008

2. Nguyễn Văn Trọng Ph – sinh ngày 02/11/2010

3. Nguyễn Ngọc Như Ý – sinh ngày 02/11/2017

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị K.

- *Về tài sản chung* và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị Kiều yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị K yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về quan hệ con chung: chị K yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Yến L – sinh ngày 20/3/2008, Nguyễn Văn Trọng Ph – sinh ngày 02/11/2010, Nguyễn Ngọc Như Ý – sinh ngày 02/11/2017, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, riên bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tồ tụng nhưng vẫn vắng mặt nên không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị K và anh Nguyễn Chí H.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Yến L – sinh ngày 20/3/2008, Nguyễn Văn Trọng Ph – sinh ngày 02/11/2010, Nguyễn Ngọc Như Ý – sinh ngày 02/11/2017 cho chị Ngô Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Chí H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ *Về tài sản chung:* Chị K yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

+ *Nợ chung:* Chị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

+ *Về án phí:* Chị Ngô Thị K phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị K được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn anh Nguyễn Chí H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị K yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Chí H.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Ngô Thị K, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, chị Ngô Thị K và anh Nguyễn Chí H chung sống với nhau được Uỷ ban nhân dân xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2011, quyển số 01/2011, ngày 20/01/2011 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh H ngoài những lúc đi ghe biển thì về hay đi nhậu rồi ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh H cũng hay quậy lên rồi chửi bới chị K, ngoài ra anh H còn sử dụng chất kích thích; Sau đó vợ chồng ly thân nhưng anh H vẫn tới lui thăm nom con chung nhưng không phụ giúp chị K nuôi con, có lần anh H còn đánh chị K và cầm dao đe dọa nên chị K mới quyết định ly hôn với anh H, từ đó đến nay anh H chỉ có 2 lần đón con về nhà nội chơi, cũng không có quan tâm, lo lắng gì cho các con.

Xét thấy: Chị K, anh H chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 cả hai đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, từ đó cho thấy vợ chồng chị K, anh H đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; Mặt khác, chị K và anh H đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh H đã

đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị K yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Xét yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Yến L – sinh ngày 20/3/2008, Nguyễn Văn Trọng Ph – sinh ngày 02/11/2010, Nguyễn Ngọc Như Ý – sinh ngày 02/11/2017 của chị Ngô Thị K; Xét thấy từ khi ly thân cho đến nay các con vẫn sống với chị K và chị K vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các con, mặt khác theo biên tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu L, cháu Ph là mong muốn được sống với mẹ, riêng cháu Như Ý hiện còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị K là có cơ sở để chấp nhận.

[3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Do chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về tài sản chung:* Chị K yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]*Nợ chung:* Chị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị Ngô Thị K.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị K phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Chí H.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Yến L – sinh ngày 20/3/2008, Nguyễn Văn Trọng Ph – sinh ngày 02/11/2010, Nguyễn Ngọc Như Ý – sinh ngày 02/11/2017 cho chị Ngô Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Chí H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Chí H được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006228, ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí H có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:
- VKSND huyện T H;
- Chi cục THADS huyện T H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã T A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo